

Số: 3565/QĐ-NHCS

Hà Nội, ngày 08 tháng 5 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục giải quyết công việc được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động tín dụng, hoạt động khác, thủ tục giải quyết công việc bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Chính sách xã hội**

**TỔNG GIÁM ĐỐC NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

*Căn cứ Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg ngày 04/10/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH);*

*Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-TTg ngày 22/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ văn bản số 705/NHCS-PC ngày 12/02/2018 của Tổng Giám đốc NHCSXH hướng dẫn thực hiện kiểm soát thủ tục giải quyết công việc của NHCSXH;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Ban: Pháp chế, Tín dụng người nghèo.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này các thủ tục giải quyết công việc (TTGQCV) được sửa đổi, bổ sung; TTGQCV bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của NHCSXH như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung nội dung “Thủ tục cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng” (thuộc Mục I danh mục TTGQCV ban hành kèm theo Quyết định này) như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm c) Thành phần hồ sơ:

- Thay thế Giấy đề nghị vay vốn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng (mẫu số 01/LĐNN) được công bố kèm theo quyết định này.

- Thay thế cụm từ: “Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân: 01 bản sao chứng thực (lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục)” bằng cụm từ “Chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân: 01 bản sao (lưu tại NHCSXH nơi thực hiện thủ tục)”.

- Bãi bỏ nội dung quy định: Sổ hộ khẩu hoặc sổ tạm trú (01 bản sao chứng thực).

b) Sửa đổi điểm k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTGQCV:

- Thay thế cụm từ “Người vay không cư trú tại các huyện nghèo vay vốn từ 100 triệu đồng trở lên phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và NHCSXH” bằng cụm từ “Người vay vay vốn từ 100 triệu đồng trở lên phải có tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật và NHCSXH”.

c) Bổ sung căn cứ pháp lý của thủ tục:

- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

- Quyết định số 27/2019/QĐ-TTg ngày 09/9/2019 về tín dụng đối với người lao động tại huyện nghèo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

- Văn bản số 3524/NHCS-TDNN ngày 28/4/2023 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi một số nội dung nghiệp vụ cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

**2. Sửa đổi, bổ sung nội dung của 25 TTGQCV (thuộc Mục II Danh mục TTGQCV ban hành kèm theo Quyết định này) như sau:**

a) Thay thế cụm từ “Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH” bằng cụm từ “Danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH” trong nội dung thủ tục.

Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) được thay thế bằng Danh sách tổ viên đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) được công bố kèm theo quyết định này.

b) Bổ sung căn cứ pháp lý của các thủ tục:

- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;

- Văn bản số 3524/NHCS-TDNN ngày 28/4/2023 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi một số nội dung nghiệp vụ cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

**3. Bãi bỏ 01 thủ tục giải quyết công việc (thuộc Mục III Danh mục TTGQCV ban hành kèm theo Quyết định này).**

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/6/2023. Các nội dung khác của 26 TTGQCV nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 không được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định này vẫn có hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng NHCSXH; Giám đốc: Ban Pháp chế, Ban Tín dụng người nghèo; các Ban chuyên môn nghiệp vụ tại Hội sở chính; Trung tâm Đào tạo, Trung tâm Công nghệ thông tin, Sở giao dịch, Chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP (để b/c);
- Tổng Giám đốc, Trưởng BKS (để b/c);
- Các Phó TGD, KTT;
- Website NHCSXH (Ban PC);
- Lưu: VT, TDNN, PC.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Đức Hải**



**DANH MỤC**  
**THỦ TỤC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG, LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG KHÁC,**  
**TTGQCV BỊ BÀI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA**  
**NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3565 /QĐ-NHCS ngày 08 tháng 5. năm 2023 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội)*

**I. Danh mục TTGQCV được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của NHCSXH (liên quan đến mẫu đơn, tờ khai)**

S T T	Số hồ sơ TTGQCV	Tên thủ tục TTGQCV	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	2.002222	Thủ tục cho vay người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	Văn bản số 3524/NHCS-TDNN ngày 20/4/2023 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi một số nội dung nghiệp vụ cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác	Hoạt động tín dụng	NHCSXH nơi thực hiện thủ tục (cấp tỉnh, cấp huyện)

**II. Danh mục 25 TTGQCV được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của NHCSXH (liên quan đến thành phần hồ sơ)**

TT	Số hồ sơ TTGQCV	Tên thủ tục TTGQCV	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	2.000910	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với hộ nghèo	Văn bản số 3524/NHCS-TDNN ngày 20/4/2023 của Tổng Giám đốc NHCSXH về việc sửa đổi một số nội dung nghiệp vụ cho vay đối với hộ nghèo và các đối tượng	Hoạt động tín dụng	NHCSXH nơi thực hiện thủ tục (cấp tỉnh, cấp huyện)

*Handwritten signature*

TT	Số hồ sơ TTGQCV	Tên thủ tục TTGQCV	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
			chính sách khác		
2	2.000969	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với hộ cận nghèo	Như trên	Như trên	Như trên
3	2.002152	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với hộ mới thoát nghèo.	Như trên	Như trên	Như trên
4	2.000242	Thủ tục phê duyệt cho vay lưu vụ đối với hộ nghèo.	Như trên	Như trên	Như trên
5	2.000436	Thủ tục phê duyệt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo bị rủi ro do nguyên nhân khách quan vay bổ sung vốn để khôi phục sản xuất, kinh doanh	Như trên	Như trên	Như trên
6	2.001216	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn thông qua hộ gia đình	Như trên	Như trên	Như trên
7	2.000925	Thủ tục phê duyệt cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn	Như trên	Như trên	Như trên
8	2.000670	Thủ tục phê duyệt cho vay nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long đối với hộ gia đình vay vốn để tự xây dựng nhà ở	Như trên	Như trên	Như trên
9	2.000667	Thủ tục phê duyệt cho vay nhà ở vùng thường xuyên ngập lũ đồng bằng sông Cửu Long đối với hộ gia đình vay vốn để mua trả chậm nhà ở	Như trên	Như trên	Như trên
10	2.000871	Thủ tục phê duyệt cho vay vốn tín dụng học sinh sinh viên thông qua hộ gia đình tham gia đào tạo nghề, đối với người lao động bị thu hồi đất theo Quyết định số 63/2015/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ	Như trên	Như trên	Như trên
11	2.000490	Thủ tục phê duyệt cho vay hộ gia đình SXKD tại vùng khó khăn mức vay đến 50 triệu đồng	Như trên	Như trên	Như trên

TT	Số hồ sơ TTGQCV	Tên thủ tục TTGQCV	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
12	2.000531	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với Thương nhân là cá nhân thực hiện mở sổ sách kế toán và nộp các loại thuế theo quy định của pháp luật hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ mức vay đến 50 triệu đồng	Như trên	Như trên	Như trên
13	2.000382	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với thương nhân là cá nhân không thực hiện mở sổ sách kế toán và nộp thuế khoán hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo quyết định 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ mức vay đến 50 triệu đồng	Như trên	Như trên	Như trên
14	2.000409	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với Thương nhân là cá nhân thực hiện mở sổ sách kế toán và nộp các loại thuế theo quy định của pháp luật hoạt động thương mại tại vùng khó khăn theo quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 08/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ mức vay trên 50 triệu đồng đến 100 triệu đồng.	Như trên	Như trên	Như trên
15	2.000820	Thủ tục cho vay thông qua hộ gia đình đối với học sinh, sinh viên Y khoa sau khi đã tốt nghiệp, trong thời gian thực hành tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để được cấp chứng chỉ hành nghề	Như trên	Như trên	Như trên
16	1.005311	Thủ tục phê duyệt cho vay Dự án phát triển ngành Lâm nghiệp vay vốn Ngân hàng thế giới đối với Hộ vay tham gia Tổ Tiết kiệm và vay vốn mức vay đến 50 triệu đồng	Như trên	Như trên	Như trên



*[Handwritten signature]*

TT	Số hồ sơ TTGQCV	Tên thủ tục TTGQCV	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
17	2.000726	Thủ tục phê duyệt cho vay Dự án phát triển ngành Lâm nghiệp vay vốn Ngân hàng thế giới đối với Hộ vay tham gia Tổ Tiết kiệm và vay vốn mức vay trên 50 triệu đồng	Như trên	Như trên	Như trên
18	2.000420	Thủ tục phê duyệt cho vay lưu vụ đối với hộ gia đình sản xuất, kinh doanh tại vùng khó khăn mức cho vay đến 50 triệu đồng.	Như trên	Như trên	Như trên
19	2.002219	Thủ tục vay vốn trực tiếp người lao động để hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm có ủy thác một số nội dung công việc trong quy trình cho vay cho các tổ chức chính trị - xã hội thông qua Tổ Tiết kiệm và vay vốn	Như trên	Như trên	Như trên
20	2.002490	Thủ tục phê duyệt cho vay mua máy tính, thiết bị phục vụ học tập trực tuyến đối với học sinh, sinh viên vay vốn thông qua hộ gia đình	Như trên	Như trên	Như trên
21	2.000306	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với Thanh niên xung phong cơ sở ở miền Nam tham gia kháng chiến giai đoạn 1965-1975	Như trên	Như trên	Như trên
22	2.001006	Thủ tục phê duyệt cho vay đối với Hộ gia đình, Hộ kinh doanh vay vốn Dự án Nippon mức vay đến 50 triệu đồng	Như trên	Như trên	Như trên
23	2.002507	Thủ tục vay vốn hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất, chuyển đổi nghề và phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị - phương thức cho vay ủy thác (theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ)	Như trên	Như trên	Như trên

TT	Số hồ sơ TTGQCV	Tên thủ tục TTGQCV	Tên văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
24	2.002517	Thủ tục vay vốn đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý - phương thức cho vay ủy thác (theo Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ)	Như trên	Như trên	Như trên
25	2.000658	Thủ tục xác nhận Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH	Như trên	Hoạt động khác	Như trên

### III. Danh mục TTGQCV bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của NHCSXH

S TT	Số hồ sơ TTGQCV	Tên thủ tục TTGQCV	Tên văn bản quy định việc bãi bỏ (hiệu lực thực hiện)	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	2.000366	Thủ tục phê duyệt cho vay hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung	Số 1879/NHCS-TDNN ngày 17/4/2018 của Tổng Giám đốc về việc tiếp tục cho vay Hộ gia đình nghèo xây dựng nhà ở phòng, tránh bão, lụt khu vực miền Trung theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg	Hoạt động tín dụng	NHCSXH nơi thực hiện thủ tục (cấp tỉnh, cấp huyện)



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY VỐN**  
**ĐI LÀM VIỆC Ở NƯỚC NGOÀI THEO HỢP ĐỒNG**

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội .....

Họ và tên:.....Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Dân tộc: ..... Giới tính: .....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số: .....

Ngày cấp: ...../...../.....Nơi cấp: .....

Nơi đăng ký thường trú:.....

Nơi ở hiện tại: .....

Điện thoại: .....

Thuộc đối tượng:

- Người lao động là thành viên hộ nghèo
- Người lao động là thành viên hộ cận nghèo
- Người lao động là người dân tộc thiểu số
- Người lao động là thân nhân người có công với cách mạng
- Người lao động thuộc hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất

Tôi có nhu cầu vay vốn để chi trả các khoản chi phí đi làm việc ở nước ngoài được ghi trên hợp đồng số ..... tại quốc gia/vùng lãnh thổ ..... ký ngày ...../...../.....với (doanh nghiệp dịch vụ, tổ chức sự nghiệp đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài).....

..... (1)

địa chỉ ..... trong thời hạn ..... tháng.

Đề nghị Ngân hàng cho vay số tiền: ..... đồng.

(Bằng chữ: .....).

Thời hạn vay: ..... tháng, Định kỳ hạn trả nợ gốc: ..... tháng/kỳ.

Trả lãi: .....

Tài sản dùng để bảo đảm tiền vay (nếu có):



STT	TÊN TÀI SẢN	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ ƯỚC TÍNH (Đồng)	GIẤY TỜ VỀ TÀI SẢN

Tôi cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi đúng thời hạn, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ, PHƯỜNG,  
THỊ TRẤN** .....

Ông/bà: .....

thuộc đối tượng<sup>(2)</sup> .....

.....

trong danh sách UBND xã quản lý theo quy định./.

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày ..... tháng ... năm ...

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ VAY VỐN**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Ghi chú:**

- (1) Ghi đầy đủ tên của Doanh nghiệp đưa người đi lao động làm việc ở nước ngoài (bao gồm cả tên viết tắt).
- (2) Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận rõ đối tượng vay vốn thuộc diện hộ nghèo/hộ cận nghèo/hộ đồng bào dân tộc thiểu số/thân nhân người có công với cách mạng/người thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất.

Tên tổ TK&VV: .....  
Thôn: .....  
Xã: .....  
Huyện: .....

**DANH SÁCH TỔ VIÊN**  
**ĐỀ NGHỊ VAY VỐN NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**  
**Chương trình cho vay .....**

**Mẫu số 03/TD**  
*Lập 02 liên chính:*  
*01 liên lưu hồ sơ Tổ tại NH,*  
*01 liên lưu tại Tổ;*  
*02 liên photô: 01 liên đóng C.từ tại NH,*  
*01 liên lưu Hội, đoàn thể.*

Tại cuộc họp Tổ Tiết kiệm và vay vốn ngày ..... / ..... / ..... đã bình xét các tổ viên đề nghị vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội. Toàn tổ nhất trí đề xuất những tổ viên có tên dưới đây đang cư trú tại địa phương, đủ điều kiện và thuộc đối tượng vay vốn đợt này:

*Đơn vị: đồng*

STT	Họ và tên	Đối tượng thụ hưởng	Đề nghị của Tổ TK&VV			Phê duyệt của Ngân hàng	
			Số tiền	Mục đích sử dụng vốn	Thời hạn	Số tiền	Thời hạn
1	2	3	4	5	6	7	8
1							
2							
3							
.....							
	<b>Cộng:</b>						

**Tổ trưởng**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

*Ngày ... tháng ... năm .....*  
**Xác nhận của UBND cấp xã**  
.....  
.....  
.....  
.....

**UBND cấp xã**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

*Ngày ... tháng ... năm ...*  
**Phê duyệt của Ngân hàng**

Số người được vay vốn đợt này:..... người.  
Tổng số tiền cho vay: ..... đồng.  
Số người chưa được vay đợt này:..... người, có số thứ tự trong danh sách là:.....

**Cán bộ tín dụng**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Trưởng phòng**  
**(Tổ trưởng) TD**  
*(Ký, ghi rõ họ tên)*

**Giám đốc**  
*(Ký tên, đóng dấu)*